TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DSST
Ngày: 03/3/2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hồng**.

Bà **Trần Kim Chi.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sang -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Qúi** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lê Thị Đ,** sinh năm 1958.

Địa chỉ: ấp T, xã Đồng S, huyện G, Tiền Giang.

+ Bi đơn: **Nguyễn Thị Bích S**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp B, xã Đồng S, huyện G, Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Đ trình bày:

Ngày 10/4/2021 chị Bích S có vay của chị số tiền 248.000.000đồng, lãi suất thỏa thuận 1,8%/tháng. Chị S hứa vay 10 tháng trả nhưng đến nay không trả vốn cũng không trả lãi.

Ngày 28/01/2022 (nhằm ngày 26/12/2021 âm lịch) chị S vay tiếp số tiền 50.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DB585816 đứng tên Nguyễn Thị Bích S. Số tiền này chị S trả được 02 tháng tiền lãi.

Ngày 17/3/2022 (nhầm ngày 15/2/2022 âm lịch) vay số tiền 20.000.000đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, số tiền này chị S không trả vốn và lãi.

Tổng cộng chị S vay số tiền 318.000.000đồng, do chị S vi phạm thỏa thuận, không trả vốn và trả lãi đầy đủ nên chị khởi kiện.

Nay, chị yêu cầu chị S trả số tiền vốn 318.000.000đồng và yêu cầu trả lãi, cụ thể: số tiền 248.000.000đồng tính lãi từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử, tạm tính đến ngày 03/11/2022 là 09 tháng 24 ngày, lãi suất 1,66%/tháng với số tiền 41.168.000đồng. Số tiền 50.000.000đồng tính lãi từ ngày 28/3/2022 đến ngày 03/11/2022 là 08 tháng với số tiền 8.300.000đồng. Số tiền 20.000.000đồng tính lãi từ ngày 28/3/2022 đến ngày 03/11/2022 là 08 tháng với số tiền 2.656.000đồng. Tổng cộng vốn, lãi là 370.124.000đồng trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị S trình bày: Chị thừa nhận có mượn của chị Đ số tiền 02 lần là 70.000.000đồng, chị có viết giấy nợ ngày 26/12/2021 âm lịch và ngày 15/12/2022 âm lịch. Khi vay số tiền này chị có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên.

Ngoài ra, trước đó chị có mượn của chị Đ số tiền 60.000.000đồng, do chị không có khả năng trả lãi nên đến ngày 10/4/2021 chị Đ kêu chị viết giấy nợ gồm vốn, lãi là 248.000.000đồng. Chị thừa nhận tất cả chữ ký trong hai giấy nợ là của chị. Đối với số tiền nợ 248.000.000đồng thực tế chị chỉ mượn có 60.000.000đồng, còn lại là tiền lãi.

Nay, chị cũng đồng ý trả số tiền 318.000.000đồng nhưng chị xin trả như sau: Chị trả trước số tiền 70.000.000đồng thì chị Đ trả lại cho chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chị vay tiền, vay được bao nhiêu thì chị trả số tiền còn lại 248.000.000đồng, nếu còn nợ lại thì chị xin trả dần cho đến khi hết nợ.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ. Buộc chị S có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền 248.000.000đồng và tiền lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Buộc chị S có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền nợ 70.000.000đồng và tiền lãi, chị Đ có nghĩa vụ trả cho chị S 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB585816, thửa đất số 195, tờ bản đồ số 19, diện tích 2.651,6m^2 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/12/2021 cho chị S, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra cũng như tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Quan hệ tranh chấp giữa chị chị Lê Thị Đ và chị Nguyễn Thị Bích S là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được xem xét giải quyết theo Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26, 35 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện chị S trả số tiền vốn 318.000.000đồng và tiền lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đ là có cơ sở bởi lẽ giữa chị Đ, chị S có xác lập hợp đồng vay tài sản với chứng cứ là 02 giấy biên nhận nợ ngày 26/12/2021 âm lịch, ngày 15/02/20211 âm lịch, ngày 10/4/2021 và được chị S thừa nhận. Chị Đ yêu cầu chị S trả số tiền vốn 318.000.000đồng và tiền lãi, cụ thể:

Số tiền 248.000.000đồng tính tiền lãi từ ngày 10/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (03/3/2023) tính tròn là 22 tháng, lãi suất 1,66%/tháng: 248.000.000đồng x 22 tháng x 1,66%/tháng = 90.569.600đồng;

Số tiền 50.000.000đồng tính tiền lãi từ ngày 28/01/2022 (nhầm ngày 26/12/2021 âm lịch) đến ngày 03/3/2023 là 13 tháng, lãi suất 1,66%/tháng: 50.000.000đồng x 13 tháng x 1,66%/tháng = 10.790đồng. Đối với số tiền này thì chị S có trả cho chị Đ 02 tháng tiền lãi là 3.000.000đồng nên chị Đ đồng ý cấn trừ. Do đó, số tiền lãi chị S phải trả là 7.790.000đồng.

Số tiền 20.000.000đồng tính tiền lãi từ ngày 17/3/2022 (nhầm ngày 15/02/2021 âm lịch) là 11 tháng, lãi suất 1,66%/tháng: 20.000.000đồng x 11 tháng x 1,66%/tháng = 3.652.000đồng.

Tổng cộng vốn, lãi là 420.011.600đồng.

Chị S thừa nhận có vay chị Đ tổng số tiền 318.000.000đồng và chị đồng ý trả nhưng chị xin trả như sau: Chị trả trước số tiền 70.000.000đồng thì chị Đ trả lại cho chị giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chị đi vay tiền trả số tiền còn lại, đối với tiền lãi thì chị xin trả dần cho đến khi hết nợ. Yêu cầu này của chị S không được chị Đ đồng ý. Chị Đ đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị S khi chị S trả hoàn tất số tiền nợ nêu trên.

Do đó, cần buộc chị S có nghĩa vụ trả cho chị Đ số tiền vốn 318.000.000đồng và tiền lãi là 102.011.600đồng khi án có hiệu lực pháp luật. Chị Đ có nghĩa vụ trả cho chị S 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08715 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/12/2021 cho chị S đứng tên là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở một phần được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị S chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 463, 466, 357, 468 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Đ.

Buộc chị Nguyễn Thị Bích S có nghĩa vụ trả cho chị Lê Đ số tiền vốn, lãi là 420.011.600đồng *(Bốn trăm hai mươi triệu không trăm mười một ngàn sáu trăm đồng)* khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Đ cho đến khi thi hành án xong, chị S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Lê Thị Đ có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích S 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS08715 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 02/12/2021 cho chị S đứng tên khi chị S trả hoàn tất nợ.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Chị Nguyễn Thị Bích S phải chịu số tiền 20.800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lê Thị Đ được miễn nộp tạm ứng án phí nên không được hoàn lại.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng, chị Mai kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.